TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 830/2019/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 24 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều: 51, 53, 54, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 973/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Chí Tâm, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Chí Tâm tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2005 Quyển số 01 ngày 07/11/2005, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Đời sống hôn nhân không hạnh phúc, bà T nộp đơn ly hôn được Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện C hòa giải ngày 16 tháng 7 năm 2019, kết quả hòa giải đoàn tụ không thành, các đương sự thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản chung nên Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện C lập biên bản ghi nhận.

[3] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản chung, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Chí Tâm thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2005 Quyển số 01 ngày 07/11/2005 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà T và ông Tâm xác định có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 07/01/2006, giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Tâm cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T và ông Tâm xác định không có.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà T và ông Tâm xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Chí Tâm chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà T và ông Tâm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2019/0022405 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà T và ông Tâm đã nộp đủ lệ phí tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Uỷ ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Sơn Hà